

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/KDTM-ST  
Ngày: 08-5-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

Ông Đỗ Hữu Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 836/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 và số 756/2020/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH A. (Tên cũ là Công ty TNHH A.)

Địa chỉ trụ sở: Cao ốc B, Số C đường D, phường E, Quận G, Thành phố H

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Võ Nguyễn Bảo Tr, sinh năm 1992, địa chỉ: Phường T, quận U, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 8 năm 2019)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở: Số I đường K, phường L, Quận M, Thành phố H

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Địa ốc N.

Địa chỉ trụ sở: Số O, phố P, phường Q, quận R, thành phố S

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2018 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Nguyễn Bảo Tr đều trình bày:

Nguyên đơn đồng ý giao và bị đơn là Công ty Cổ phần X. đồng ý nhận thực hiện tất cả các công việc và hành động cần thiết để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ cho thuê và lắp đặt, tháo dỡ hệ giằng shoring, king post, sàn đạo phục vụ cho công trình Dự án tổ hợp căn hộ, thương mại dịch vụ và khách sạn ALPHANAM LUXURY tại Lô đất từ A1-A6 Khu biệt thự cao cấp Redstar phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015, tổng giá trị hợp đồng tạm tính (bao gồm 10% thuế VAT) là 2.734.207.544 đồng bao gồm tất cả các chi phí để cung cấp thiết bị, nhân công, vật tư, vật tư phụ, vận chuyển, thi công hoàn chỉnh tại công trường, các chi phí khác để hoàn thành công việc.

Nguyên đơn đã vận chuyển, cho thuê, thi công hệ giằng chống công trình tổng cộng là 3.287.574.902 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000476 ngày 04 tháng 5 năm 2015; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000483 ngày 02 tháng 6 năm 2015; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000027 ngày 13 tháng 11 năm 2015. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 1.413.841.508 đồng, gồm: 546.841.508 đồng ngày 04 tháng 6 năm 2015; 717.000.000 đồng ngày 25 tháng 6 năm 2015; 150.000.000 đồng ngày 04 tháng 11 năm 2015. Ngày 15 tháng 12 năm 2015, hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn 1.873.733.394 đồng.

Sau khi đối chiếu công nợ, bị đơn đã thanh toán 20.000.000 đồng ngày 21 tháng 02 năm 2018; 20.000.000 đồng ngày 12 tháng 3 năm 2018; 20.000.000 đồng ngày 28 tháng 5 năm 2018, còn nợ lại 1.813.733.394 đồng.

Nguyên đơn đã vận chuyển, cho thuê, thi công hệ giằng chống công trình (đợt cuối) là 228.668.090 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000074 ngày 23 tháng 02 năm 2016.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 2.041.597.244 đồng còn nợ theo Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015 và 726.931.908 đồng tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày thứ 31 kể từ ngày nguyên đơn nộp đủ hồ sơ thanh toán cho bị đơn tạm tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo lãi suất 7.935%/năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Địa ốc N. trình bày:

Ngày 18 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Địa ốc N. và bị đơn ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 79/2015/Alphanam-Descon, theo đó, Công ty Cổ phần Địa ốc N. giao cho bị đơn thực hiện thi công xây dựng dự án “Tổ hợp căn hộ, thương mại dịch vụ và khách sạn A1”.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017, hai bên đã hoàn tất việc thanh toán, quyết toán và ký Biên bản thanh lý hợp đồng. Vì vậy, Công ty Cổ phần Địa ốc N. không còn liên quan hợp đồng với bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) giữa nguyên đơn và bị đơn mà không đưa Công ty Cổ phần Địa ốc N. là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bị đơn là Công ty Cổ phần X. không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng với bị đơn là Công ty Cổ phần X. có trụ sở chính tại Số I đường K, phường L, Quận M, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 2.041.597.244 đồng còn nợ theo Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015:

[5] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình, có cơ sở xác định hai bên có ký kết và thực hiện Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015, cụ thể:

[6] Ngày 03 tháng 5 năm 2015, nguyên đơn gửi Yêu cầu thanh toán tạm ứng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000476 ngày 04 tháng 5 năm 2015; bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 546.841.508 đồng;

[7] Ngày 22 tháng 5 năm 2015, bị đơn gửi đề nghị cấp chứng chỉ thanh toán tạm số IPC.01. Nguyên đơn gửi Bảng xác nhận khối lượng thanh toán cho thầu phụ/tổ đội và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000483 ngày 02 tháng 6 năm 2015 với giá trị 717.804.240 đồng; Ngày 25 tháng 6 năm 2015, bị đơn đã thanh toán cho

nguyên đơn 717.000.000 đồng, đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 đã thanh toán hết 804.240 đồng còn lại;

[8] Ngày 20 tháng 6 năm 2015, bị đơn gửi Đề nghị cấp chứng chỉ thanh toán tạm số IPC.02. Ngày 29 tháng 6 năm 2015, nguyên đơn gửi Yêu cầu thanh toán kèm theo Bảng tổng hợp vật tư hệ giằng lớp 1, sàn thao tác giai đoạn 1 nhập về công trường Sheraton Đà Nẵng; Biên bản xác nhận chiều dài đoạn king post được nhổ hệ sàn thao tác và hệ giằng chống ngày 14 tháng 6 năm 2015; Biên bản xác nhận khối lượng vật tư thi công tháo dỡ hệ sàn thao tác ngày 14 tháng 6 năm 2015; Văn bản ngày 15 tháng 6 năm 2015; Bảng xác nhận khối lượng thanh toán cho thầu phụ/tổ đội ngày 20 tháng 6 năm 2015; Văn bản ngày 20 tháng 6 năm 2015 và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 ngày 25 tháng 6 năm 2015 với giá trị 308.230.349 đồng; bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 150.000.000 đồng ngày 04 tháng 11 năm 2015, 20.000.000 đồng ngày 21 tháng 02 năm 2018, 20.000.000 đồng ngày 12 tháng 3 năm 2018, 20.000.000 đồng ngày 28 tháng 5 năm 2018, còn nợ 98.230.349 đồng chưa thanh toán;

[9] Ngày 11 tháng 11 năm 2015, bị đơn gửi Đề nghị cấp chứng chỉ thanh toán tạm số IPC.03. Ngày 13 tháng 11 năm 2015, nguyên đơn gửi Phiếu đề nghị thanh toán kèm theo Biên bản xác nhận khối lượng vật tư thi công hệ sàn thao tác ngày 22 tháng 5 năm 2015; Biên bản xác nhận khối lượng vật tư thi công hệ giằng lớp 1 ngày 22 tháng 5 năm 2015; Biên bản xác nhận khối lượng vật tư thi công hệ giằng lớp 2 ngày 16 tháng 6 năm 2015; Văn bản ngày 11 tháng 11 năm 2015 và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000027 ngày 13 tháng 11 năm 2015 với giá trị 1.714.698.805 đồng; bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền này.

[10] Ngày 15 tháng 12 năm 2015, hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn 1.873.733.394 đồng.

[11] Ngày 13 tháng 12 năm 2015, bị đơn gửi Đề nghị cấp chứng chỉ thanh toán tạm số IPC.QT. Ngày 12 tháng 01 năm 2016, nguyên đơn gửi Phiếu đề nghị thanh toán kèm theo Bảng xác nhận giá trị khối lượng vật tư thất thoát và giá trị đền bù ngày 10 tháng 11 năm 2015; Văn bản ngày 13 tháng 12 năm 2015; Bảng xác nhận khối lượng thanh toán cho thầu phụ/tổ đội ngày 13 tháng 12 năm 2015 và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000074 ngày 23 tháng 02 năm 2016 với giá trị 228.668.090 đồng; bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền này.

[12] Tổng cộng bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.041.597.244 đồng của ba hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 ngày 25 tháng 6 năm 2015; số 0000027 ngày 13 tháng 11 năm 2015 và số 0000074 ngày 23 tháng 02 năm 2016.

[13] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Địa ốc N. trình bày tại Văn bản số 482/2020/CV/DIAOC ngày 24 tháng 4 năm 2020: Ngày 18 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Địa ốc N. và bị đơn ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 79/2015/Alphanam-Descon, theo đó, Công ty Cổ phần Địa ốc N. giao cho bị đơn thực hiện thi công xây dựng dự án “Tổ hợp căn hộ, thương mại dịch vụ và khách sạn A1”. Ngày 23 tháng 01 năm 2017, hai bên đã hoàn tất việc thanh toán, quyết toán và ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

[14] Căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và Điều 144 Luật Xây dựng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 2.041.597.244 đồng còn nợ theo Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015 là có cơ sở chấp nhận.

[15] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 726.931.908 đồng tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày thứ 31 kể từ ngày nguyên đơn nộp đủ hồ sơ thanh toán cho bị đơn tạm tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo lãi suất 7.935%/năm:

[16] Theo Văn bản số COD25112019 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán thì ngân hàng không có mức lãi suất quá hạn chung cho tất cả khách hàng mà áp dụng lãi suất quá hạn theo từng khách hàng cụ thể tùy thuộc vào mức lãi suất trong hạn của khách hàng đó. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất chậm thanh toán là 7,935%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Văn bản ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

[17] Theo Thông báo lãi suất cho vay nội, ngoại tệ kèm theo Văn bản số 169/TB/TĐ-KHKD ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô, Văn bản số 1211/CNTPHCM-KHTH ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 3231/HCM-TH ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13,25%/năm.

[18] Xét thấy, lãi suất 7,935%/năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[19] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi do chậm thanh toán là có cơ sở để chấp nhận, tuy nhiên, căn cứ khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015, các bên thỏa thuận giá trị được xác nhận tại mỗi kỳ sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nguyên đơn nộp đủ hồ sơ thanh toán cho bị đơn, nên cần điều chỉnh lại ngày bắt đầu tính tiền lãi như sau:

[20] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000483 ngày 02 tháng 6 năm 2015, tiền lãi được tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 là 209.633 đồng;

[21] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 ngày 25 tháng 6 năm 2015, do nguyên đơn gửi Yêu cầu thanh toán ngày 29 tháng 6 năm 2015 nên tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi từ ngày 10 tháng 8 năm 2015 đến 04 tháng 11 năm 2015 đối với số tiền chưa thanh toán 308.230.349 đồng là 5.762.725 đồng; Tiền lãi từ ngày

04 tháng 11 năm 2015 đến ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với số tiền chưa thanh toán 158.230.349 đồng là 28.895.029 đồng; Tiền lãi từ ngày 21 tháng 02 năm 2018 đến ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với số tiền chưa thanh toán 138.230.349 đồng là 570.967 đồng; Tiền lãi từ ngày 12 tháng 3 năm 2018 đến ngày 28 tháng 5 năm 2018 đối với số tiền chưa thanh toán 118.230.349 đồng là 1.979.127 đồng; Tiền lãi từ ngày 28 tháng 5 năm 2018 đến ngày xét xử là ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với số tiền chưa thanh toán 98.230.349 đồng là 15.183.411 đồng;

[22] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000027 ngày 13 tháng 11 năm 2015, tiền lãi được tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến ngày xét xử là ngày 08 tháng 5 năm 2020 là 594.942.233 đồng;

[23] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000074 ngày 23 tháng 02 năm 2016, tiền lãi được tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2016 đến ngày xét xử là ngày 08 tháng 5 năm 2020 là 72.827.811 đồng;

[24] Do đó, tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo mức lãi suất 7,935%/năm là 720.370.936 đồng.

[25] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 87.239.364 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[26] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 144 Luật Xây dựng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

Buộc Công ty Cổ phần X. có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A. 2.041.597.244 đồng còn nợ theo Hợp đồng giao thầu lại số SDN-GTL-CON-0006 (C/2015/013) ngày 16 tháng 4 năm 2015 và 720.370.936 đồng tiền lãi tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2020.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần X. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 87.239.364 đồng.

Công ty TNHH A. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty TNHH A. 45.479.112 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007843 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thúy Minh**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thúy Minh**